**MÔN: TIẾNG VIỆT**

**Thứ Tư ngày 13 tháng 11 năm 2024**

**CHỦ ĐỀ 10: NGÀY CHỦ NHẬT**

**BÀI 3: OT – ÔT – ƠT**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- HS giao tiếp với bạn bè, thầy cô thông qua hoạt động thảo luận nhóm, trả lời yêu cầu của GV.

-HS tìm được các tiếng/ từ chứa vần *ot, ôt, ơt.*

*-*HS cần đạt các năng lực ngôn ngữ sau:

- Đọc, viết đúng các vần/ từ: *ot – cái sọt; ôt – lá lốt; ơt – cái thớt.*

- Đọc đúng và hiểu nghĩa các từ: *quả ớt, bột mì, rót trà.*

- Đọc được đoạn ứng dụng và hiểu nghĩa của đoạn ứng dụng ở mức độ đơn giản.

- HS quan sát tranh khởi động, biết trao đổi về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa các vần ot, ôt, ơt (gọt vỏ, cà rốt, trái ớt,…)

- Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có vần được học có nội dung liên quan đến nội dung bài học.

- HS biết trân trọng, giữ gìn những đồ dùng, rau củ,… phục vụ cuộc sống. Từ đó quý trọng, biết ơn những người lao động làm ra.

- HS có tinh thần tự học, có ý thức tham gia vào các công việc nhỏ trong gia đình, tham gia các công việc tập thể khi thảo luận nhóm, biết ôn bài ở nhà.

- HS biết tự hoàn thành nhiệm vụ được giao; có ý thức chia sẻ công việc với mọi người trong gia đình.

**2. Đồ dùng dạy học:**

GV: Tranh minh họa chủ đề, tranh hoặc vật thật ( sọt rác, lá lốt, cái thớt, quả ớt, bột mì,…) SGK.

HS: SGK, bảng con, vở tập viết, bảng cài.

**3. Hoạt động dạy học chủ yếu:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của giáo viên** |
| 5’  25’  5’  25’  5’  5’ | ***TIẾT 1.***  **1.Hoạt động khởi động:**  GV cho cả lớp hát  **2.Hoạt động cơ bản:**  **a) Hoạt động 1:Nhận diện vần, tiếng có vần mới**  - GV cho HS xem và quan sát bức tranh khởi động, trao đổi và nói những từ ngữ có chứa tiếng *ot, ôt, ơt*  - GV nhận xét và giới thiệu bài mới – ghi tên bài.  - GV ghi bảng vần **ot.**  - Tương tự với vần **ôt**  - Tương tự với vần  **ơt**  - Vần **ot, ôt, ơt** giống nhau ở điểm nào?  *+ Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng.*  - Vẽ mô hình lên bảng- HD phân tích, đánh vần   |  |  | | --- | --- | | s | ot | | sọt | |     Nhận xét.  - HD đánh vần với các tiếng khác: Ví dụ: ***rốt, ngót, thớt,…***  **b)Hoạt động 2: Đánh vần tiếng khóa, đọc trơn từ khóa.**  - Đánh vần, đọc trơn từ khóa **cái sọt**  + Giới thiệu cái sọt - rút từ khóa ghi bảng: **cái sọt**  Trong từ **cái sọt** có vần nào hôm nay chúng ta học?  + Yêu cầu HS đánh vần tiếng khóa: **sọt** và đọc trơn từ khóa: **cái sọt**  ? Cái sọt dùng để làm gì?  - Đánh vần, đọc trơn từ **lá lốt, cái thớt**  **(** Thực hiện tương tự như từ **cái sọt)**  - Gọi đọc bài trên bảng  Nhận xét – khen HS đọc tốt.  **NGHỈ GIỮA TIẾT**  **c)Hoạt động 3: Luyện viết**  *\* Hướng dẫn viết bảng con*  - Viết vần **ot** và tiếng **sọt.**  + Viết vần **ot**  .Yêu cầu HS phân tích vần ***ot***  .GV hướng dẫn HS viết vần **ot**  ( GV viết mẫu và nêu quy trình viết)  .GV và HS nhận xét bài viết  **+** Viết tiếng **sọt**  . Yêu cầu HS phân tích, GV viết mẫu – HD viết.  GV cùng HS nhận xét  - Viết vần **ôt** và tiếng **lá lốt**  - Viết vần **ơt** và tiếng **thớt**  \* *Viết vào vở tập viết*  - GV cho HS viết vào vở tập viết  **TIẾT 2**  **1.Hoạt động 1: Luyện tập đánh vần, đọc trơn.**  *\* Đọc và tìm hiểu từ mở rộng*  - GV ghi bảng các từ mở rộng:  **quảớt, bột mì, rót trà.**  - GV HD HS gạch chân tiếng có vần mới, phân tích, đánh vần, đọc trơn - giải nghĩa từ.  - Tìm từ có vần **ot, ôt, ơt**  *\* Đọc và tìm hiểu nội dung bài ứng dụng.*  **Mẹ và bà nấu bữa trưa. Bè nhặt rau. Chị gọt cà rốt. Bà vừa cắt ớt vừa nói:**  **- Hai cháu của bà thật khéo tay.**  - GVHD đọc đánh vần tiếng khó: **nhặt, khéo.**  - Yêu cầu HS đọc thành tiếng văn bản.  - GV hỏi:  + Ai nấu bữa trưa?  + Bé và chị làm gì để phụ mẹ?  + Vì sao bà khen hai cháu?  Nhận xét – khen HS trả lời tốt.  **NGHỈ GIỮA TIẾT**  **2.Hoạt động 2: Hoạt động mở rộng**  - GV cho HS đọc câu lệnh: **Cái gì?Củ gì?**  - Treo tranh. Hỏi:  + Tranh vẽ những gì?  + Em có biết dùng vợt cầu lông không? Em dùng nó làm gì?....  + Chốt của dùng để làm gì? Khi dùng em chú ý điều gì?  + Ăn cà rốt có tốt cho sức khỏe không? Cà rốt thường được chế biến thành những gì?....  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi hỏi đáp về những đồ vật, củ có trong tranh.  - Yêu cầu trình bày.  **3.Hoạt động củng cố và nối tiếp:**  - Đọc lại bài  - GV dặn HS chuẩn bị cho tiết học sau Bài 4: ut–ưt  - Nhận xét tiết học – khen ngợi HS học tốt. | Cả lớp hát 1 bài  - Quan sát và nêu nội dung tranh.  - Trao đổi cặp về những tiếng có chứa vần ot, ôt, ơt có trong tranh.  + Tranh vẽ hai bạn nhỏ đang làm gì?  (đang nhặt rau ngót)  + Có những loại rau gì ở trên bàn?  (ớt, cà rốt, ngót, lá lốt)  + Có những đồ dùng gì ở trong bếp?  (cái thớt, sọt rác, cái vợt)  - HS quan sát vần ***ot***, cài và phân tích ( o đứng trước, t đứng sau)  - Đánh vần: **o – t – ot** ( CN + ĐT)  - HS cài, phân tích, đánh vần **ô – t - ôt** ( CN + ĐT)  - HS cài, phân tích, đánh vần **ơ – t - ơt** ( CN + ĐT)  - Giống: đều có âm **t** đứng cuối  - Quan sát mô hình.  - HS phân tích: Gồm âm **s**, vần **ot** và **thanh nặng**  - Đánh vần: **sờ - ot – sot - nặng - sọt**  - vần **ot**  **-** Đánh vần: **sờ - ot – sot - nặng - sọt**  - Đọc trơn: **cái sọt**  - HS trả lời.  - HS thực hiện theo yêu cầu của GV  - Vần **ot** gồm chữ **o** và chữ **t**; **o** đúng trước, **t** đứng sau  - HS viết bảng con  - Thực hiện  - Viết bài  - HS quan sát, nhẩm đọc.  - HS phân tích tiếng, đánh vần tiếng **ớt**  - Đọc trơn: **quả ớt** ( CN + ĐT)  - Tự giải nghĩa từ **quả ớt.**  - HS phân tích, đánh vần, đọc trơn và giải nghĩa từ với từ **bột mì, rót trà.**  - Thực hiện  - Đọc  -Mẹ và bà nấu bữa trưa.  - Bé nhặt rau, chị gọt cà rốt phụ mẹ và bà.  - Vì hai cháu ngoan biết phụ mẹ và bà.  - Tranh vẽ cái vợt, củ cà rốt và chốt cửa.  - HS trả lời. |

4. Điều chỉnh sau bài học: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………